

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/HSST

Ngày: 16/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đoá- Hưu trí và bà Đỗ Thị Hằng- Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh- Thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2024/HSST, ngày 26 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

Nguyễn Hữu Q; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 31/5/2007, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1982 và con bà: Lê Thị S, sinh năm 1984; Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/7/2024 cho đến nay. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1982 (bố đẻ). Vắng mặt. Bà Lê Thị S, sinh năm 1984 (mẹ đẻ). Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Q: Bà Hoàng Thị H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh N- Chi nhánh số 1. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Hồ Sỹ H1, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Cháu Đậu Thị Khánh H2, sinh ngày 01/11/2006. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu H2: chị Hồ Thị L1, sinh năm 1987 (mẹ đẻ).

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Cháu Cao Thị Q1, sinh ngày 14/10/2006. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Q1, chị Trần Thị H3, sinh năm 1981 (mẹ đẻ). Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

2. Anh Hồ Ngọc H4, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Người làm chứng:

1. Chị Hồ Thị L1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Cháu Đậu Đức H5, sinh ngày 25/10/2008. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Hồ Thị L1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Cháu Đậu Thị Thanh V, sinh ngày 13/02/2015. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Hồ Thị L1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/6/2024 đến ngày 29/6/2024 Nguyễn Hữu Q, đã thực hiện bốn lần trộm cắp tài sản:

Lần thứ nhất: Vào ngày 13/6/2024, Q đến nhà chị Đậu Thị Khánh H2 (là bạn gái của Q) để chơi rồi ngủ lại qua đêm. Do không có tiền nên Q nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài. Trong lúc H2 đang ngủ, Q biết H2 thường để điện thoại sạc ở đầu giường nên đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone

8 Plus, màu vàng của H2. Vì biết H2 cài đặt mật khẩu mở điện thoại, nên sau khi lấy trộm chiếc điện thoại của H2, Q đã mở khóa điện thoại tắt nguồn, rồi cất dấu chiếc điện thoại vừa lấy trộm của H2 vào trong chiếc quần bò Q đang mặc rồi đi ngủ. Đến sáng ngày hôm sau, khi H2 ngủ dậy không thấy chiếc điện thoại của mình nên H2 hỏi Q “Anh có cầm máy em không?”, Q nói “Anh không biết”, sau đó Q đi vào nhà vệ sinh bật mở nguồn chiếc điện thoại lấy trộm được của H2 xóa hết ảnh, thay đổi hình nền rồi kiểm tra điện thoại thấy mật khẩu tài khoản Icloud Huyền lưu trong ứng dụng “ghi chú”. Đến khoảng 10 giờ ngày 14/6/2024, Q đem chiếc điện thoại vừa lấy trộm của H2 đưa đến cửa hàng mua bán điện thoại “Thế giới phụ kiện” do anh Nguyễn Đình M là chủ của hàng để bán chiếc điện thoại này. Q bán chiếc điện thoại này cho anh M với giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó, Q đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ hai: Vào ngày 25/6/2024, Q đến nhà chị Đậu Thị Khánh H2 để chơi và ngủ lại qua đêm. Do không có tiền tiêu xài nên Q nảy sinh ý định tiếp tục trộm cắp tài sản của H2, lợi dụng lúc H2 đang ngủ Q đã lén lút lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 của H2. Do Q biết chị H2 cài đặt mật khẩu mở điện thoại nên Q đã đăng nhập mật khẩu chiếc điện thoại, rồi bật chế độ máy bay và tắt nguồn, sau đó Q cất dấu chiếc điện thoại ở trên khung cửa sổ nhà H2 rồi đi ngủ. Đến sáng ngày 26/6/2024, khi ngủ dậy không thấy chiếc điện thoại của mình đâu nên H2 hỏi Q. “Khi tối anh có cầm máy em không?” thì Q nói “Anh không cầm”. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Q lấy chiếc điện thoại đang cất dấu trên khung cửa sổ nhà H2 rồi đi đến cửa hàng bán điện thoại “Thế giới phụ kiện” của anh Nguyễn Đình M để bán chiếc điện thoại này. Sau khi thấy Q thoát được tài khoản I trên chiếc điện thoại nên anh M đã đồng ý mua chiếc điện thoại này và trả thêm cho Q số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Toàn bộ số tiền từ việc bán chiếc điện thoại trên Q dùng để mua đồ ăn và tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào khoảng 08 giờ ngày 28/6/2024, khi Q đang ngồi chơi ở nhà chị H2 thì Q phát hiện có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng đang sạc pin ở nhà H2. Do chiếc điện thoại này có hình nền là hình ảnh của Q1 nên Q biết chiếc điện thoại này là của chị Cao Thị Q1, (Q1 là bạn của Q và H2). Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên của Q1. Vì trước đây Q có mượn điện thoại của Q1 để chơi game nên Q biết mật khẩu chiếc điện thoại này, Q đăng nhập mật khẩu mở

khoá và đổi mật khẩu điện thoại, thoát tải khoản Icloud ra khỏi máy, đổi hình nền điện thoại. Sau đó, Q cất giấu chiếc điện thoại ở dưới gối ngủ trong phòng ngủ của mẹ chị H2. Lợi dụng lúc H2 và Q1 đang nấu ăn thì Q đem chiếc điện thoại trên đi đến cửa hàng “Hữu Mobile” do anh Hồ Ngọc H4 làm chủ để bán chiếc điện thoại này. Anh H4 trả cho Q số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, Q đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ tư: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/6/2024, Q đi đến quán cắt tóc “Khánh Hoà” của anh Hồ Sỹ H1 để cắt tóc. Đến nơi, Q ngồi ghế đợi đến lượt cắt tóc thì thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng gold để ở trên ghế Sofa gần vị trí Q đang ngồi. Q biết chiếc điện thoại này của anh Hồ Sỹ H1 vì thấy màn hình điện thoại để hình ảnh anh H1 nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Q thấy một người đàn ông (Q không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đi vào quán cắt tóc và cầm chiếc điện thoại nhập mật khẩu điện thoại là 0001 và gọi điện thoại, sau khi gọi điện thoại xong thì người đàn ông này để lại chiếc điện thoại trên ghế sofa. Sau đó có một người đàn ông khác đến cũng ngồi vào chiếc ghế S1 mà Q đang ngồi để đợi cắt tóc, lợi dụng sơ hở Q lấy chiếc điện thoại Iphone 12 Pro Max để sau lưng người đàn ông mới vào để mở mật khẩu điện thoại, đổi hình nền thành hình nền mặc định của chiếc điện thoại và đăng xuất tài khoản Icloud của chiếc điện thoại vì Q kiểm tra ứng dụng “Ghi chú” thì thấy có lưu mật khẩu Icloud ở trong ứng dụng “Ghi chú”. Sau đó Q điều khiển xe một mình đi đến cửa hàng “Hữu Mobile” do anh Hồ Ngọc H4 làm chủ để cầm cố chiếc điện thoại trên, anh H4 đồng ý cho Q vay tiền số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau khi có số tiền trên, Q đã tiêu xài cá nhân hết 1.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng khi bị phát hiện Q đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q.

Ngày 29/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q nhận được đơn trình báo về việc mất tài sản của bị hại chị Đậu Thị Khánh H2; chị Cao Thị Q1 và anh Hồ Sỹ H1.

Đối với anh Nguyễn Đình M là chủ cửa hàng “Thế giới phụ kiện” và anh Hồ Ngọc H4 chủ cửa hàng điện thoại “H”, sau khi biết điện thoại mà Q bán cho mình là do trộm cắp mà có đã giao nộp lại cho Công an xã Q, huyện Q.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 611/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An, kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, bản 64 GB, số IMEI: 356737085949078, đã cũ, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, số IMEI 1: 350263907454268, số IMEI 2: 350263908765290, đã cũ, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, bản 64 GB, số IMEI 1: 356585106365539, số IMEI 2: 356585106496243, đã cũ, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng Gold, bản 128 GB, số IMEI 1: 359015634641745, số IMEI 2: 359015634686773, đã cũ, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng)

- 01 (Một) sim điện thoại V1, có mã số S2: 8984.04800.09159.98663, có số thuê bao: 0397216501 có giá trị 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng);

- 01 (Một) sim điện thoại V1, có mã số S2: 89840.48000.92780.2931, có số thuê bao: 0971817237 có giá trị 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng);

- 01 (Một) sim điện thoại Vinaphone, có mã số Seri: 898402000.10743043036, có số thuê bao: 0813697440 có giá trị 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng);

Tổng cộng giá trị tài sản là 26.830.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS-QL ngày 22/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 BLHS, xử

phạt mức án tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 đến 24 tháng.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS 2015.

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví da màu nâu, kẻ caro (loại ví gấp đôi), kích thước (19 x 11,5) cm, bên trong có nhiều ngăn.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước Số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Q trình bày lời bào chữa: Hoàn toàn nhất trí về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo mà vị đại diện Viện kiểm sát đã luận tội, song để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như sự khoan dung của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mong Hội đồng xét xử khi lượng hình quan tâm xem xét đến nguyên nhân điều kiện và thời điểm phạm tội và *“các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự”* để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 BLHS để áp dụng mức hình phạt cho bị cáo ở mức 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung: áp dụng Khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015, tôi đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin hội đồng xét xử bị cáo ở mức án nhẹ nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác

không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm và đặc điểm tài sản bị mất của bị hại. Sự phù hợp, thống nhất của các chứng cứ nêu trên, kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/6/2024 đến ngày 29/6/2024, Nguyễn Hữu Q đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản tổng giá trị là 26.830.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng.

Bị cáo Nguyễn Hữu Q là người có sức khoẻ nhưng lười lao động, ham chơi, thích hưởng thụ vật chất, luôn có ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ bản thân là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q phạm tội có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; Ông nội bị cáo là thương binh $\frac{3}{4}$, Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nhận thức còn hạn chế, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo Q là người dưới 18 tuổi nên không phạt tiền bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Hữu Q về trách nhiệm dân sự nên miễn xét.

Anh Nguyễn Đình M và anh Hồ Ngọc H4, đã được gia đình Nguyễn Hữu Q bồi thường khắc phục hậu quả nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Nguyễn Hữu Q.

[6] Về vật chứng:

+ 01 (một) ví da màu nâu, kẻ caro (loại ví gấp đôi), kích thước (19 x 11,5) cm, bên trong có nhiều ngăn là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ Số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với anh Nguyễn Đình M và anh Hồ Ngọc H4 mua tài sản do Q trộm cắp mà có. Tuy nhiên, tại thời điểm giao dịch mua bán thì anh M và anh H4 không biết tài sản đó là do Q phạm tội mà có. Vì vậy, anh M và anh H4 không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[8] Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu Q 09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách của án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 16/9/2024 .

Giao bị cáo Nguyễn Hữu Q cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Q 01 (một) ví da màu nâu, kẻ caro (loại ví gấp đôi), kích thước (19 x 11,5) cm, bên trong có nhiều ngăn.

(Đặc điểm các vật chứng trên có tại biên bản giao, nhận vật chứng giữa công an huyện Q và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Lưu hồi 14 giờ 00 phút, ngày 23/8/2024).

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) (hiện đang tạm giữ tại tài khoản 39490104794900000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu ngày 26/8/2024).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T; Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp, người bào chữa có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THA hình sự h.Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Hậu;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ